

# Phát triển du lịch biển đảo bền vững tại vịnh Bái Tử Long: Thực trạng và giải pháp

Châu Quốc Tuấn\*, Võ Quế\*\*

*Vịnh Bái Tử Long ôm trọn huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh và được xác định sẽ thuộc một trong ba đặc khu hành chính - kinh tế đặc biệt của tỉnh. Nói đến Vân Đồn phải nói đến tài nguyên biển, đảo. Tiềm năng này đã thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế, trong đó có du lịch và du lịch biển đảo. Tuy nhiên, sức ép phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có du lịch, cũng đem đến cho môi trường tự nhiên, xã hội nhiều thách thức. Bài viết này nhằm trao đổi về phát triển du lịch và gắn với bền vững biển đảo tại vịnh Bái Tử Long.*

**Từ khóa:** Phát triển du lịch biển đảo, bền vững, vịnh Bái Tử Long.

## 1. Đặt vấn đề

Vịnh Bái Tử Long là một vùng biển có nhiều đảo, chủ yếu các đảo nằm trọn trong huyện đảo Vân Đồn và có vị trí quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh. Thủ tướng Chính phủ (2009) đã phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng phát triển khu vực này trở thành khu Hành chính - Kinh tế đặc biệt đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 với mục tiêu: Phát triển du lịch gắn với việc sử dụng tài nguyên biển đảo bền vững, chú trọng phát triển du lịch sinh thái biển - đảo chất lượng cao, gắn với đầu tư xây dựng sân bay, cảng biển, dịch vụ và phát triển công nghiệp sạch gắn với bảo tồn thiên nhiên. Theo quy hoạch, đến 2015 sẽ dành 47,3 km<sup>2</sup> cho đất du lịch; 3,33 km<sup>2</sup> đất thương mại; 6,2 km<sup>2</sup> đất công nghiệp; 30,95 km<sup>2</sup> đất xây dựng đô thị. Đất xây dựng công trình và các đầu mối kỹ thuật, trong đó có sân bay Vân Đồn rộng 695 ha với công suất 500.000-800.000 khách/năm; bãi đáp trực thăng trên các đảo rộng 5 ha; cảng biển tổng hợp 170 ha; mạng lưới đường giao thông 350 ha; đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật 80 ha (Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Vân Đồn, 2012).

Sự gia tăng khai thác tài nguyên biển, gia tăng dân số và khách du lịch trong những năm qua đã tác động không nhỏ đến phát triển bền vững kinh tế biển đảo của vịnh Bái Tử Long nói chung và phát triển du lịch biển đảo bền vững trên địa bàn Vịnh nói riêng.

Vì vậy, nghiên cứu thực trạng đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển du lịch biển đảo bền vững trong khu vực vịnh Bái Tử Long là

một yêu cầu cấp thiết đối với tỉnh Quảng Ninh.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp tiếp cận tài nguyên du lịch và phương pháp bản đồ là các phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu này. Nguồn số liệu thứ cấp được sử dụng trong bài viết được thu thập và tổng hợp của các báo cáo từ năm 2007 đến 2013 về kinh tế - xã hội của UBND huyện Vân Đồn, các báo cáo tổng kết hàng năm về các chỉ tiêu phát triển du lịch trên địa bàn huyện Vân Đồn của phòng Văn hóa Thông tin huyện Vân Đồn, Báo cáo thuyết minh tổng hợp về quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn... và một dự án về du lịch có liên quan của Viện nghiên cứu và phát triển du lịch, tổng cục du lịch. Ngoài ra trong nghiên cứu còn sử dụng số liệu sơ cấp được tổng hợp thông qua quá trình thống kê, điều tra, phỏng vấn khách du lịch và các cơ sở lưu trú trên địa bàn vịnh.

Phương pháp chính được sử dụng để phân tích số liệu gồm các phương pháp: thống kê mô tả và thống kê so sánh. Các chỉ tiêu chủ yếu sử dụng để đánh giá thực trạng du lịch biển đảo dưới góc độ bền vững bao gồm: Chỉ tiêu tăng trưởng khách du lịch đến vịnh, số ngày lưu trú của khách trong năm, mức chi tiêu bình quân của khách, doanh thu từ du lịch..., ngoài ra còn các chỉ tiêu về tác động của hoạt động du lịch tới môi trường biển đảo.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng tài nguyên đối với phát triển du lịch

#### 3.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Vịnh Bái Tử Long là một vịnh của Việt Nam với diện tích đất tự nhiên là 551,33 km<sup>2</sup> và vùng biển rộng 1.620,83 km<sup>2</sup> nằm trong vịnh Bắc Bộ, ở vùng Đông Bắc với toạ độ từ 20<sup>0</sup>40' đến 21<sup>0</sup>12' vĩ độ Bắc và từ 107<sup>0</sup>19' đến 107<sup>0</sup>42' kinh độ Đông, phía Đông giáp với vùng biển của huyện đảo Cô Tô, phía Tây giáp Vịnh Hạ Long và thành phố Cẩm Phả, phía Nam là toàn bộ mặt biển, phía Bắc và Đông Bắc giáp với huyện Tiên Yên và Đầm Hà.

Vịnh có địa hình hết sức đa dạng, thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam, độ cao trung bình là 40m so với mặt biển, có rừng, có biển, có đảo đá, đảo đất, các đảo lớn gần đất liền có núi cao trên 300m, các đảo nhỏ chỉ có núi cao dưới 200m. Vịnh Bái Tử Long nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, có khí hậu phân hóa 2 mùa rõ rệt mang tính chất hải đảo điển hình, mưa nhiều, mùa hạ nóng ẩm, và mùa đông khô lạnh. Nhiệt độ trung bình năm từ 15°C-25°C, lượng mưa trung bình hàng năm vào khoảng từ 1.700 mm – 2.500 mm.

### 3.1.2. Tiềm năng về tài nguyên biển đảo

- *Tài nguyên tự nhiên về cảnh quan:* Các đảo của vịnh thường là đảo đá vôi và đảo phiến thạch có tuổi kiến tạo địa chất khoảng 300 triệu năm, do quá trình vận động nâng lên, hạ xuống nhiều lần từ lục địa thành trũng biển, quá trình carxtơ bào mòn, phong hóa tạo ra những hình thái cảnh quan đặc biệt như một bức tranh thủy mặc để hình thành nên các đảo như: Cặp Kỳ Nháy, Cặp Kỳ Giã, Thê Vàng... và các cụm đảo như: Hòn Chông, Hòn Vân Đồn, Hòn Ôn, Hòn Ba Sao, núi Chân Nghĩa... Bên cạnh đó, các đảo đá như Trà Ngộ Lớn, Ba Mùn, Hòn Mặt Quỷ, Hòn Đũa, Hòn Thiên Nga, Hòn Ấm,... đều là những cảnh quan đặc biệt hấp dẫn du khách. Cảnh quan san hô và tài nguyên rừng ngập mặn nguyên sinh Ba Mùn (thuộc Vườn quốc gia Bái Tử Long) có ý nghĩa đối với phát triển du lịch.

- *Tài nguyên là các bãi tắm tự nhiên như:* Bãi Dài, bãi tắm Việt Mỹ (nằm trong quần đảo Cái Bàu), Bãi tắm Sơn Hào (bãi Sơn Hào 1 và Sơn Hào 2), bãi Quan Lạn, bãi Minh Châu, bãi Ngọc Vũng và bãi tắm Ba Trái Đào (thuộc quần đảo Vân Hải)... là những bãi tắm còn hoang sơ, hấp dẫn đối với du khách.

- *Tài nguyên về đa dạng sinh học:* Vịnh Bái Tử Long là nơi tập trung đa dạng sinh học cao với những hệ sinh thái điển hình như hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái rừng cây nhiệt đới. Hệ thực vật gồm 780 loài, 468 chi, 135 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch; trong đó, có 21 loài thực vật quý hiếm được ghi

nhận trong Sách đỏ Việt Nam.

### 3.1.3. Tiềm năng tài nguyên nhân văn

- *Di chỉ thời tiền sử:* Hang Soi Nhụ là di chỉ khảo cổ học quan trọng của văn hóa Hạ Long bao gồm các tàn tích thức ăn, công cụ lao động, đồ gốm...; Hang Hà Giắt có khoảng 70 hiện vật là đồ đồ và công cụ có niên đại cách ngày nay khoảng 14.000 năm; Di chỉ Ngọc Vũng gồm riu đá, bôn đá vừa có vai vừa có nấc, chì lưới, bàn mài có rãnh, hòn kê là những di sản của người nguyên thủy đã sinh sống ở Ngọc Vũng đặt tên di chỉ đồ đá ở đây là “Nền văn hóa Danh-Dô-La” (Đỗ Văn Ninh, 2004).

- *Di tích lịch sử, văn hóa:* Thời Lý, khu vực Vịnh là thương cảng Vân Đồn, một vùng trên bến dưới thuyền sầm uất; là nơi tưởng nhớ danh tướng Trần Khánh Dư đã đánh tan đoàn thuyền lương của tướng giặc Nguyên Mông (Đỗ Văn Ninh, 2004). Hệ thống đền, đình, chùa cổ tạo nên tài nguyên du lịch nhân văn cho Vịnh như: Đền Cặp Tiên (còn gọi đền cửa suốt), đền Cửa Ông; đền Tĩnh Hải, (trên đảo Ngọc Vũng), đình Quan Lạn... ngày càng thu hút nhiều du khách thập phương đến tham quan, văn cảnh.

- *Tài nguyên du lịch phi vật thể:* Lễ hội, nghệ thuật biểu diễn truyền thống với các trò chơi dân gian như: lễ hội Vân Đồn, lễ hội Đền Cửa Ông, lễ hội Ngọc Vũng,... và một số điệu hò biển, những phong tục cưới hỏi mang tích truyền thống đặc trưng vùng biển đảo.

## 3.2. Hiện trạng phát triển du lịch tại vịnh Bái Tử Long giai đoạn 2009-2013

### 3.2.1. Về khách du lịch

- *Về số lượng khách du lịch:* Tốc độ tăng trưởng trung bình về khách du lịch đến vịnh giai đoạn 2007 - 2013 đạt 14,52%, tốc độ tăng trưởng bình quân khách có lưu trú là 15,48%, khách tham quan là 12,71%. Tỷ trọng khách tham quan chiếm bình quân 34,4% trong tổng số khách đến vịnh, có nghĩa là khách lưu trú tại vịnh đạt 65,6%. Lượng khách quốc tế lưu trú tại vịnh những năm gần đây đạt mức tăng trưởng cao.

- *Về số ngày khách lưu trú:* Ngày lưu trú trung bình của khách du lịch tại vịnh giai đoạn nghiên cứu là 1,62 ngày/khách, trong đó ngày lưu trú trung bình của khách quốc tế đạt 2,02 ngày/khách; khách du lịch nội địa là 1,23 ngày/khách. Tốc độ tăng trưởng bình quân về ngày khách lưu trú/ năm là 20,38%. Cụ thể, năm 2007 số ngày khách của vịnh đạt 193,401 ngàn ngày, năm 2012 đạt 486,091 ngàn ngày khách và đến năm 2013 số ngày khách của vịnh đạt 581,625 ngàn ngày, gấp 3 lần năm 2007

(Bảng 2).

Đặc điểm khách du lịch đến tham quan Vịnh ngày càng tăng, khách có lưu trú ngày càng nhiều. Tuy nhiên, số khách lưu trú tại Hạ Long còn thấp.

- *Phân tích về thị trường khách du lịch:* Đối với khách du lịch quốc tế tại vịnh Bái Tử Long có xu hướng tăng nhanh vào các năm 2012-2013 do ảnh hưởng của sự kiện vịnh Hạ Long được công nhận là kỳ quan mới; khách du lịch quốc tế đến vịnh rất đa dạng và nhiều thành phần chủ yếu là thị trường truyền thống từ các nước ở Tây Âu, Đông Bắc Á và ASEAN; mục đích tham quan là du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch thám hiểm; thời vụ từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Khách nội địa đến vịnh chủ yếu là công chức, viên chức, công nhân, người dân, cán bộ của các tỉnh, thành phố liền kề, thuộc mọi lứa

tuổi; thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 hàng năm. Sản phẩm tiêu thụ là du lịch tắm biển, khám phá núi đá hang động, tham quan hệ sinh thái tại Vườn quốc gia Bái Tử Long và có kết hợp tham quan các điểm du lịch về đình chùa trên địa bàn.

### 3.2.2. Mức chi tiêu và doanh thu từ du lịch

- *Mức chi tiêu:* Mức chi tiêu của khách tại vịnh khá ổn định, có tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn nghiên cứu đạt thấp chỉ đạt 8,4% đối với khách quốc tế, đạt 6,1% đối với khách du lịch nội địa. Năm 2013 có mức chi tiêu bình quân cao nhất trong thời kỳ nghiên cứu, chi tiêu của khách du lịch quốc tế theo tỷ giá quy đổi là 1,272 triệu đồng/ngày và khách nội địa là 0,741 triệu đồng/ngày (Phòng Văn hóa Thông tin huyện Vân Đồn, 2013).

Đặc điểm chi tiêu của khách du lịch tại vịnh Bái

**Bảng 1: Số lượng khách du lịch đến vịnh Bái Tử Long**

*Đơn vị tính: Ngàn lượt khách*

STT	Chỉ tiêu		2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	Tăng trưởng bình quân (%)
	<b>Tổng số khách du lịch đến vịnh</b>	<i>Ngàn lượt</i>	<b>276,13</b>	<b>306,90</b>	<b>351,85</b>	<b>409,32</b>	<b>476,73</b>	<b>540,47</b>	<b>622,35</b>	14,52
		<i>Tăng trưởng(%)</i>		11,1	14,6	16,3	16,5	13,4	15,1	
1.1	Số lượng khách du lịch Lưu trú	<i>Ngàn lượt</i>	<b>177,63</b>	<b>198,40</b>	<b>230,45</b>	<b>267,30</b>	<b>310,35</b>	<b>358,94</b>	<b>420,86</b>	15,48
		<i>Tăng trưởng(%)</i>		11,7	16,2	16,0	16,1	15,7	17,3	
-	Khách quốc tế	<i>Ngàn lượt</i>	<b>2,42</b>	<b>3,01</b>	<b>3,77</b>	<b>4,78</b>	<b>6,35</b>	<b>8,34</b>	<b>11,57</b>	29,89
		<i>Tăng trưởng(%)</i>		24,4	25,3	26,7	32,8	31,3	38,7	
-	Khách nội địa	<i>Ngàn lượt</i>	<b>175,21</b>	<b>195,39</b>	<b>226,68</b>	<b>262,52</b>	<b>304,00</b>	<b>350,60</b>	<b>409,29</b>	15,20
		<i>Tăng trưởng(%)</i>		11,5	16,0	15,8	15,8	15,3	16,7	
1.2	Số lượng khách tham quan	<i>Ngàn lượt</i>	<b>98,50</b>	<b>108,50</b>	<b>121,40</b>	<b>142,02</b>	<b>166,38</b>	<b>181,53</b>	<b>201,49</b>	12,71
		<i>Tăng trưởng(%)</i>		10,2	11,9	17,0	17,2	9,1	11,0	

(Nguồn: Phòng Văn hóa Thông tin huyện Vân Đồn, 2013)

**Bảng 2: Ngày lưu trú trung bình của khách du lịch tại đến vịnh Bái Tử Long**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	Tăng trưởng bình quân (%)
<b>1</b>	<b>Tổng số khách LT</b>	<i>Nghìn lượt</i>	<b>177,63</b>	<b>198,40</b>	<b>230,45</b>	<b>267,30</b>	<b>310,35</b>	<b>358,94</b>	<b>420,86</b>	<b>15,48</b>
1.1	<i>Khách quốc tế</i>	<i>Nghìn lượt</i>	2,42	3,01	3,77	4,78	6,35	8,34	11,57	29,89
1.2	<i>Khách nội địa</i>	<i>Nghìn lượt</i>	175,21	195,39	226,68	262,52	303,997	350,6	409,29	15,20
<b>2</b>	<b>Ngày lưu trú TB</b>									
2.1	<i>Khách quốc tế</i>	<i>Ngày</i>	1,87	1,9	1,9	2,11	2,18	2,05	2,16	2,56
2.2	<i>Khách nội địa</i>	<i>Ngày</i>	1,078	1,04	1,2	1,25	1,31	1,34	1,36	4,10
<b>3</b>	<b>Tổng số ngày khách</b>		<b>193.401</b>	<b>208.925</b>	<b>279.181</b>	<b>338.236</b>	<b>412.079</b>	<b>486.901</b>	<b>581.625</b>	<b>20,38</b>
3.1	<i>Khách quốc tế</i>	<i>ngàn ngày</i>	4.525	5.719	7.167	10.086	13.843	17.097	24.991	33,23
3.2	<i>Khách nội địa</i>	<i>ngàn ngày</i>	188.876	203.206	272.014	328.150	398.236	469.804	556.634	19,98

(Nguồn: Phòng Văn hóa Thông tin huyện Vân Đồn, 2013)

Từ Long là trên 80% mức chi tiêu dành cho ăn uống, ngủ nghỉ, đi lại. Chi cho các dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm hàng hóa không đáng kể (Tổng hợp điều tra của tác giả, 2013).

- *Doanh thu từ du lịch*: Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu từ du lịch trong giai đoạn nghiên cứu đạt 27,9%, trong đó tăng trưởng doanh thu từ khách lưu trú đạt 28,1%, từ khách tham quan đạt 26,2%, năm 2013 doanh thu từ du lịch đã đạt 466,15 tỷ đồng gấp 4,32 lần so với năm 2007 và đã đóng góp đáng kể vào GDP của địa phương (Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn, 2013). Phân tích về cơ cấu doanh thu cho thấy, doanh thu từ khách du lịch nội địa hàng năm chiếm tỷ trọng đều trên 88% trong tổng doanh thu du lịch, chứng tỏ thị trường khách du lịch nội địa là thị trường trọng yếu và quyết định doanh thu của du lịch biển đảo vịnh Bái Tử Long. Tuy nhiên, những năm gần đây thị trường khách quốc tế đã có dấu hiệu khởi sắc với số lượng du khách quốc tế đến vịnh đã tăng nhanh, năm 2007 vịnh chỉ có 2,42 ngàn lượt khách quốc tế lưu trú đến năm 2013 đã tăng lên 11,57 ngàn lượt khách gấp 4,8 lần.

### 3.2.3. Về cơ sở lưu trú và lao động

- *Về cơ sở lưu trú*: Tốc độ tăng trưởng bình quân cơ sở lưu trú trên địa bàn vịnh Bái Tử Long giai đoạn nghiên cứu là 16,9%, tăng trưởng bình quân về số lượng phòng là 20,4%. Về chất lượng cơ sở lưu trú, năm 2013 trên địa bàn vịnh có 109 cơ sở lưu trú trong đó 40 cơ sở lưu trú đã đạt chuẩn với 624 phòng, 8 cơ sở đã đạt từ 1 đến 2 sao với 172 phòng, cơ sở lưu trú chưa phân loại 69 cơ sở chiếm 63,3% với 813 phòng, công suất sử dụng phòng trung bình hàng năm đạt 40%.

Qua khảo sát thực tế về cơ sở lưu trú tại vịnh cho thấy hầu hết cơ sở lưu trú tại đây là các nhà nghỉ

bình dân, tập trung tại bán đảo Cái Bàu, Minh Châu, Quan Lạn... Chất lượng sản phẩm lưu trú còn thấp về cả cơ sở vật chất, trình độ nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp phục vụ của lễ tân và thiếu các dịch vụ đi kèm nên đã ảnh hưởng không nhỏ tới sự thu hút khách du lịch có mức chi tiêu cao đến tham quan và lưu trú tại vịnh.

- *Lao động trong du lịch*: Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm về lao động trong thời gian nghiên cứu là 10,58%, trong đó lao động trực tiếp (bao gồm lao động làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các đơn vị sự nghiệp du lịch, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch du lịch,...) có mức tăng trưởng bình quân 10,29%, lao động gián tiếp có mức tăng trưởng là 10,73%, là đối tượng có liên quan đến hoạt động du lịch. Năm 2013, vịnh Bái Tử Long có 3.884 lao động làm việc và hoạt động tại các lĩnh vực có liên quan đến du lịch, bao gồm 1.191 lao động trực tiếp và 2.693 lao động gián tiếp (Phòng Văn hóa Thông tin huyện Vân Đồn, 2013). Về phân loại lao động du lịch trực tiếp, có 37,06% lao động du lịch trực tiếp đạt trình độ từ trung cấp trở lên, lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ còn khá cao, trên 63%. Phân bố lực lượng lao động không đều chủ yếu trong dịch vụ lưu trú, vận chuyển. Đối với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành rất ít, thiếu cán bộ làm thị trường và hướng dẫn viên.

### 3.2.4. Sản phẩm du lịch

- *Sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng* gắn liền với tài nguyên biển và đảo chiếm vị trí quan trọng đối với du lịch tại vịnh BTL. Phân tích động cơ mục đích khách du lịch đến tham quan vịnh cho thấy, 49,3% khách du lịch đến đây để với tắm biển và nghỉ dưỡng tại các bãi biển, còn 21,2% tham quan du lịch

**Bảng 3: Hiện trạng về mức chi tiêu của khách du lịch đến vịnh Bái Tử Long và Thu nhập từ du lịch**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	Tăng trưởng bình quân (%)
<b>1</b>	<b>Mức chi tiêu</b>									
1.1	Khách quốc tế	Triệu	0,792	0,849	0,910	0,990	1,195	1,251	1,272	8,4
1.2	Khách nội địa	Triệu	0,521	0,561	0,591	0,610	0,690	0,711	0,741	6,1
1.3	Khách tham quan	Ngàn	60	80	80	110	115	110	110	11,8
<b>2</b>	<b>Doanh thu từ du</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>107,83</b>	<b>127,47</b>	<b>176,97</b>	<b>225,89</b>	<b>310,52</b>	<b>375,29</b>	<b>466,15</b>	<b>27,9</b>
2.1	Từ khách lưu trú	Tỷ đồng	101,92	118,79	167,25	210,26	291,39	355,32	443,99	28,1
	Khách Quốc tế	Tỷ đồng	3,58	4,85	6,52	9,98	16,54	21,38	31,80	44,4
	Khách nội địa	Tỷ đồng	98,34	113,94	160,74	200,28	274,85	333,94	412,19	27,3
2.2	Khách tham quan	Tỷ đồng	<b>5,91</b>	<b>8,68</b>	<b>9,71</b>	<b>15,62</b>	<b>19,13</b>	<b>19,97</b>	<b>22,16</b>	<b>26,2</b>

(Nguồn: Phòng Văn hóa Thông tin huyện Vân Đồn, UBND huyện Vân Đồn 2013)

**Bảng 4: Hiện trạng về cơ sở lưu trú**

Chỉ tiêu		2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	Tăng trưởng bình quân (%)
<b>Tổng số cơ sở lưu trú</b>	<i>Số cơ sở</i>	<b>44</b>	<b>50</b>	<b>55</b>	<b>73</b>	<b>96</b>	<b>98</b>	<b>109</b>	<b>16,9</b>
	<i>Số phòng</i>	<b>495</b>	<b>641</b>	<b>713</b>	<b>850</b>	<b>1.257</b>	<b>1.230</b>	<b>1.437</b>	<b>20,4</b>
- Số đạt chuẩn	<i>Số cơ sở</i>	5	7	9	11	15	23	40	42,4
	<i>Số phòng</i>	78	120	149	172	242	318	624	43,6
<i>Trong đó số đạt tiêu chuẩn 1 - 2 sao</i>	<i>Số cơ sở</i>		3	3	4	6	8	8	
	<i>Số phòng</i>		65	65	87	131	172	172	
- Số chưa phân loại	<i>Số cơ sở</i>	39	43	46	62	81	75	69	11,2
	<i>Số phòng</i>	417	521	564	678	1.015	912	813	13,7
<b>Công suất sử dụng phòng</b>	<b>(%)</b>	<b>37,5</b>	<b>38,2</b>	<b>38,0</b>	<b>42,7</b>	<b>40,6</b>	<b>41,9</b>	<b>41,2</b>	<b>1,7</b>

(Nguồn: Phòng Văn hóa Thông tin huyện Vân Đồn, 2013)

sinh thái khám phá hang động núi đá, 12,5% thăm Vườn quốc gia, 11,0% tham quan tài nguyên văn hóa, còn 6,0% khách đi mục đích công việc và mục đích khác (Tổng hợp điều tra của tác giả, năm 2013). Sản phẩm du lịch gắn liền với biển đảo gồm sản phẩm liên quan đến cơ sở lưu trú, các khu du lịch hầu hết được đầu tư tại các khu vực có bãi biển, gần biển và trên một số đảo lớn có người; sản phẩm gắn liền với dịch vụ vui chơi giải trí trên các bãi biển gồm tắm biển, lặn biển, thuyền, ca nô, dịch vụ cảm giác mạnh... Về vận chuyển khách du lịch tham quan các đảo, đã có dịch vụ tàu cao tốc, ca nô, thuyền buồm, thuyền máy... Về dịch vụ ăn uống, khách đến vịnh thường sử dụng ít nhất một món có liên quan đến hải sản biển.

- *Sản phẩm du lịch sinh thái*: Số lượng khách đến vịnh có đi tham quan hệ sinh thái biển và Vườn quốc gia có xu hướng ngày càng tăng cả về số lượng và tần xuất số lần đến.

- *Sản phẩm du lịch văn hóa*: Số lượng khách hành hương vào đầu năm đến các di tích trên địa bàn có tăng nhưng chủ yếu vào các ngày lễ hội hoặc đầu xuân.

### 3.3. Các vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững biển đảo vịnh Bái Tử Long

#### 3.3.1. Ô nhiễm môi trường từ chất thải du lịch tại vịnh Bái Tử Long

Theo Dự án về điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long của Viện nghiên cứu và Phát triển Du lịch, Tổng cục Du lịch, năm 2010 cung cấp hệ số thải về lượng rác trung bình đối với nhân viên lao động trực tiếp trong ngành du lịch là 0,3 kg/người/ngày và đối với khách du lịch đến vịnh là 3kg/người/ngày. Cơ sở này cho thấy tổng số lượng rác thải năm 2013 từ hoạt động du lịch thải ra vịnh được tính: Lượng rác thải từ khách du lịch là

581.625 ngày khách/năm x 3kg = 1.744,9 tấn/năm; Lượng rác thải từ lao động trực tiếp là 1.191 người x 0,3 kg/ngày/người x 240 ngày/năm (tính trung bình mỗi tháng lao động làm 20 ngày, tương ứng 240 ngày/năm) = 85,752 tấn/năm.

Như vậy, tổng lượng rác thải từ hoạt động du lịch ra vịnh là 1.830,7 tấn/năm, thành phần rác thải chủ yếu là bao bì giấy bánh kẹo, vỏ chai nhựa, bao bì nilon, các loại bao bì nước giải khát, thức ăn thừa. Công tác thu gom xử lý rác thải trên đất liền do các công nhân môi trường đô thị tại các đảo đảm nhiệm với các phương thức xử lý thủ công, còn trên vịnh, các bãi ghènh, mặt biển chưa được triển khai thực hiện do tại vịnh Bái Tử Long rộng, lại nằm chia cắt bởi các đảo.

Nước thải từ du lịch tại vịnh Bái Tử Long chủ yếu là nước thải từ các cơ sở lưu trú, kinh doanh vận chuyển và cộng đồng dân cư ven bờ. Quan công tác điều tra khảo sát về phương pháp xử lý nước thải tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn vịnh cho thấy: các cơ sở lưu trú sử dụng phương pháp xử lý thô qua hệ thống lắng đọng bề chứa và nước thải tự thấm thấu qua đất hoặc chảy tràn ra các hệ thống nước thải công cộng và chảy ra biển hoặc môi trường xung quang nên chất lượng nước thải chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định. Theo Viện nghiên cứu và phát triển Du lịch, Tổng cục Du lịch và tính toán của nghiên cứu thì trung bình 1 năm lượng nước cấp cần cho hoạt động du lịch của vịnh là 165,415 triệu lít và tương ứng trung bình một năm có khoảng 132,33 triệu lít nước thải từ các hoạt động du lịch thải ra môi trường vịnh chưa được xử lý triệt để.

#### 3.3.2. Phá hủy nơi cư trú tự nhiên của hệ sinh thái tại Vườn quốc gia và hệ sinh thái biển

Qua khảo sát cho thấy, phương tiện đánh bắt, khai thác ở khu vực vẫn chưa đạt tiêu chuẩn bảo tồn hệ sinh thái như: sử dụng kích điện, thuốc nổ, lưới mắt

dày... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng bảo tồn nguồn giống hải sản và các sinh vật quý hiếm tại vịnh. Hiện tượng khai thác san hô rồi bày bán tại các chợ phục vụ cho du lịch vẫn còn, dẫn đến cạn kiệt nguồn tôm giống và các đàn cá gần bờ và ảnh hưởng lớn đến môi trường biển.

Hoạt động tham quan, đi bộ trong rừng, ngắm cảnh, chụp ảnh, săn bắn, khám phá,... gây ra tiếng động mạnh, thậm chí phá hủy một số nơi cư trú của một số loài động, thực vật, làm thay đổi tập tính và đời sống hệ sinh thái.

Việc sử dụng phương tiện tàu tham quan trên Vịnh chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, chất lượng kém gây tiếng ồn và chất thải lỏng cạn dầu, nước thải xuống biển dẫn đến hiện tượng váng dầu nổi lên tại các tàu và điểm neo đậu của tàu.

#### **4. Định hướng giải pháp phát triển du lịch biển đảo bền vững**

##### **4.1. Giải pháp về quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch**

Thực hiện tốt công tác quy hoạch theo đúng tiến độ và hạng mục cần tập trung ưu tiên: xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu, tạo động lực phát triển chung, phát triển nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường, các khu tái định cư, công trình dịch vụ công cộng, bệnh viện, trường học; bảo tồn và khai thác phù hợp tài nguyên Vườn quốc gia Bái Tử Long. Cần quy hoạch phù hợp các khu vực neo đậu an toàn cho hệ thống tàu, thuyền vận chuyển khách; hệ thống tàu nghỉ đêm trên vịnh; xây dựng khu neo đậu riêng biệt cho hệ thống tàu đánh bắt thủy hải sản.

Đầu tư phát triển hạ tầng du lịch phải tuân thủ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết phân khu chức năng được duyệt, gìn giữ và phát huy không gian cảnh quan sinh thái, tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng; bảo tồn các khu vực cảnh quan đẹp và các khu vực ảnh hưởng đến môi trường: các thung lũng, đồi núi, đầm lầy, lưu vực sông, hồ và các khu vực đá vôi, hang động, địa hình đặc trưng, các hệ sinh thái... phải được bảo tồn, duy trì môi trường tự nhiên trong quá trình xây dựng và phát triển; kết hợp hài hòa và khai thác hiệu quả các cơ hội phát triển du lịch vịnh Bái Tử Long với các vùng lân cận như, vùng di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, khu công nghiệp Hải Hà, thành phố cửa khẩu Móng Cái.

##### **4.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách đầu tư phát triển du lịch**

Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bao gồm

cơ sở hạ tầng giao thông đường không, đường bộ, đường biển và nâng cấp các cửa khẩu quốc tế để tạo thuận lợi phát triển du lịch tại các trọng điểm phát triển du lịch. Ngân sách nhà nước cần tiếp tục hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng du lịch, đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước thuộc các thành phần kinh tế nhằm phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu, các công trình quy mô lớn phục vụ du lịch để nâng cao năng lực, chất lượng cung ứng du lịch; khuyến khích các hình thức xã hội hoá đầu tư, quản lý, bảo vệ, trùng tu các di tích thắng cảnh biển đảo, bảo tồn phục dựng các lễ hội truyền thống, hoạt động văn hoá dân gian, các làng nghề đóng tàu, đan lưới, khai thác, nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản, đặc biệt nuôi, cấy ngọc trai và sản xuất theo hướng hàng thủ công mỹ nghệ;

Ưu tiên về vốn vay, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và hỗ trợ thuê đất ổn định lâu dài đối với các dự án đầu tư phát triển sản phẩm du lịch đặc thù có sức cạnh tranh và các dự án phát triển sản phẩm du lịch “xanh” thân thiện môi trường tại khu du lịch; Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng thay thế; tiết kiệm năng lượng và nước; triển khai công nghệ “3R” trong hoạt động phát triển du lịch tại các đảo.

##### **4.3. Tăng cường và trú trọng bảo vệ môi trường đối với hoạt động kinh doanh du lịch**

###### **4.3.1. Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch**

Xây dựng cơ sở lưu trú cần phải thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch phát triển của ngành Du lịch và của địa phương, không xây dựng tràn lan; phải đảm bảo tiêu chuẩn xếp hạng và quy chuẩn xây dựng, tránh lãng phí.

Công trình xây dựng cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch cần quan tâm tới thiết kế, xây dựng phù hợp với môi trường xung quanh về độ cao, màu sắc trang thiết bị nội thất, phải đảm bảo yêu cầu thân thiện với môi trường, giảm thiểu chất thải độc hại, tăng cường sử dụng vật liệu địa phương và nhân công địa phương.

Quản lý tốt công tác đầu tư xây dựng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, tài nguyên, lao động, quản lý chất thải, tiếng ồn, an ninh, trật tự để không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường.

Cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch cần phải có kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị, nguyên vật liệu, thực phẩm an toàn, thân thiện với môi trường,

tổ chức, triển khai áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường;

Quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên (đất, nước,...), năng lượng (điện, gas,...), nguyên vật liệu thực phẩm; khuyến khích sử dụng năng lượng tự nhiên (năng lượng mặt trời) cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của khách sạn; thực hiện quản lý thu gom và xử lý rác thải, nước thải, khí thải hợp vệ sinh tại các cơ sở lưu trú.

Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, đối tác, khuyến khích du khách và cư dân xung quanh cơ sở lưu trú du lịch thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; phổ biến thông tin, tập huấn, đào tạo và tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức và kinh nghiệm bảo vệ môi trường trong cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch.

Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm trong việc bảo vệ môi trường; Thực hiện vận động cộng đồng dân cư và du khách gây quỹ môi trường để thực hiện những hoạt động đầu tư bảo vệ môi trường biển đảo.

#### *4.3.2. Đối với hoạt động vận chuyển*

Nâng cao chất lượng phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Chất lượng tàu này không chỉ đảm bảo tải trọng tải đảm tiêu chuẩn mà còn đảm bảo chất lượng an toàn và tính thẩm mỹ cho du khách. Hiện nay, các tàu khai thác đang còn lẫn lộn giữa tàu vận chuyển, tàu hàng hóa đưa phục vụ khách du lịch nên cần phải có đăng kiểm riêng cho loại tàu du lịch riêng.

Tăng cường kiểm tra xả thải, cần quản lý chặn chẽ nguồn thải dầu cặn của các thuyền và số lượng nước thải trên các tàu tham gia hoạt động trong vùng vịnh.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho đội ngũ thuyền viên góp phần quan trọng đối với bảo vệ môi trường biển, việc làm này có ý nghĩa không chỉ đối với cá nhân họ và còn thông qua các thuyền viên này để quản lý bảo vệ tài nguyên trên vịnh. Hình thức nâng cao là mở các lớp bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ môi trường, bồi dưỡng về hình thức xử lý các tai nạn rủi ro liên quan đến môi trường như tràn dầu, cháy nổ...

#### **4.4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch**

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực du lịch của địa phương đủ về số lượng và chất lượng, phần đầu trên 70% lao động du lịch của địa phương được đào tạo và đào tạo có chất lượng chuyên sâu về du lịch. Xây dựng các chương trình đào tạo nhân lực du lịch

phù hợp, tiên tiến đảm bảo mới về nội dung, chú trọng bổ sung kiến thức du lịch biển đảo bền vững cho học viên, kết hợp lý thuyết với thực hành, để đảm bảo chất lượng đào tạo có thể theo kịp với trình độ của các nước trong khu vực để thực hiện đào tạo mới và đào tạo lại cho nguồn nhân lực hiện có, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch, đội ngũ cán bộ quản lý ở doanh nghiệp và lao động trực tiếp phục vụ khách du lịch

Tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ thông qua các chuyên công tác, khảo sát, tham gia hội nghị, các hội thảo khoa học của các nước có ngành du lịch phát triển. Khuyến khích các đơn vị, các doanh nghiệp nghiên cứu ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ trong việc quản lý kinh doanh và phát triển du lịch biển đảo bền vững.

Thực hiện quy hoạch, xây dựng các cơ sở đào tạo nghề cho lao động du lịch của địa phương để có thể trực tiếp và thường xuyên đào tạo những người dân tại chỗ có năng lực để họ có thể trở thành những hướng dẫn viên ngay tại địa phương, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du lịch biển đảo.

#### **4.5. Tăng cường quảng bá xúc tiến và hợp tác du lịch**

Nghiên cứu triển khai việc xúc tiến quảng bá du lịch biển đảo một cách bài bản, chuyên nghiệp, các kế hoạch và chiến dịch cụ thể cần được xác định thông qua các nghiên cứu thị trường. Nội dung xúc tiến quảng bá tập trung vào các điểm đến của du lịch biển đảo, các tour du lịch nổi tiếng, các sản phẩm và thương hiệu du lịch theo từng thị trường mục tiêu.

Chiến lược xúc tiến quảng bá phải được thực hiện một cách đồng bộ thông qua sự phối hợp giữa các ban ngành của tỉnh, địa phương trên quy mô lớn, liên tục; đồng thời đặt trọng tâm vào việc củng cố xây dựng thương hiệu du lịch của vùng, lấy chiến lược phát triển sản phẩm làm nội dung xây dựng kế hoạch xúc tiến quảng bá cho du lịch. Thông qua hoạt động xúc tiến quảng bá cần tạo dựng hình ảnh nổi bật những giá trị quan trọng nhất của tài nguyên du lịch biển đảo của vịnh Bái Tử Long.

Chủ động phối hợp với các doanh nghiệp du lịch tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, xuất bản các ấn phẩm quảng bá du lịch, lắp đặt các biển quảng cáo tầm lớn, treo băng rôn, khẩu hiệu,... đặc biệt khai thác tối đa trên mạng điện tử, trên các kênh truyền hình, báo chí để giới thiệu quảng bá tiềm năng du lịch của vịnh Bái Tử Long đến với du khách và các nhà đầu tư.

## 5. Kết Luận

Nghiên cứu phát triển du lịch biển đảo bền vững ở vịnh Bái Tử Long trong thời gian qua cho thấy, Tỉnh Quảng Ninh nói chung, huyện đảo Vân Đồn nói riêng, đã quan tâm đến phát triển du lịch biển đảo bền vững tại vịnh Bái Tử Long và đạt được những kết quả nhất định như: Số lượng khách đến vịnh ngày càng gia tăng đáng kể đạt mức độ tăng trưởng bình quân 15,34%; tổng mức đầu tư bình quân cho phát triển du lịch khá cao đạt 12,69%/năm; số lượng các cơ sở kinh doanh du lịch tăng, ngày càng thu hút nhiều lao động tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn; GDP du lịch trong thời gian qua đạt mức tăng trưởng bình quân rất cao 30,6%/năm và đã đóng góp tới 26,7% vào GDP địa phương (năm 2013).

Tuy nhiên, với sự phát triển lớn mạnh không

ngừng của du lịch vịnh Bái Tử Long đã tác động không nhỏ đến vấn đề môi trường, sinh thái biển đảo nơi đây hiện đang phải đối mặt như lượng rác thải ra môi trường từ hoạt động du lịch theo tính toán là 1.419,336 tấn/năm và lượng nước thải là 99,1 triệu lít/năm chưa được thu gom và xử lý triệt để; các hệ sinh thái biển đang có nguy cơ bị phá hủy nơi cư trú bởi các hoạt động phục vụ cho du lịch.

Để khắc phục những hạn chế trên, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nhằm phát triển du lịch biển đảo bền vững vịnh Bái Tử Long gồm: Giải pháp về quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch; Giải pháp về cơ chế, chính sách đầu tư phát triển du lịch; tăng cường và chú trọng bảo vệ môi trường đối với hoạt động kinh doanh du lịch; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch; Tăng cường quảng bá xúc tiến và hợp tác du lịch. □

### Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Văn Ninh (2004), *Thương cảng Vân Đồn*. Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- Viện nghiên cứu và Phát triển Du lịch, Tổng cục Du lịch (2010), *Dự án về Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long*.
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng, huyện Vân Đồn (2012), *Thuyết minh báo cáo quy hoạch Khu kinh tế Vân Đồn*
- Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Vân Đồn (2013), *Tổng hợp các chỉ tiêu phát triển du lịch trên địa bàn huyện Vân Đồn giai đoạn 2007-2013*.
- Thủ tướng Chính phủ (2009). Quyết định số 1296-QĐ/TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 về “*Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*”.
- Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn (2013), *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm từ 2007 đến 2013*.

## Sustainable development of sea and island tourism in Bai Tu Long bay: Current situation and suggestions

### Abstract:

*Bai Tu Long bay has been chosen to become one of three special administrative - economic zones of the region. Van Don's marine resources have long boosted the region's economic development including tourism, especially sea and island tourism. Under the pressure of socio-economic development, Van Don and Bai Tu Long bay are facing the challenges of sustainable development of island tourism. This article aims at discussing tourism development and sustainable bond of islands, sea in Bai Tu Long bay.*

---

### Thông tin nhóm tác giả:

\***Châu Quốc Tuấn**, NCS Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Tổ chức tác giả công tác: Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

Email: tuan.tccp@gmail.com;

\***Võ Quế**, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện nghiên cứu và Phát triển Du lịch, Tổng cục Du lịch.